

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Duyên và bà Hoàng Thị Hanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa:* Ông Đào Xuân Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Công T**, sinh năm 1976, địa chỉ: **Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, có mặt

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**; nơi cư trú cuối cùng: **Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh **Bùi Công T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị **Nguyễn Thị T1** kết hôn ngày 21/6/1999, có đăng ký tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị **T1** về sống chung cùng gia đình anh tại **thôn Q, xã H, huyện T**. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Từ năm 2017 không rõ nguyên

nhân tại sao, chị T1 tự ý bỏ đi khỏi nhà, chị đi đâu, làm gì anh và gia đình không nắm được, chị T1 bỏ đi không dặn dò hay nói gì với ai và cũng không khai báo gì với chính quyền địa phương. Sau khi chị T1 bỏ đi, anh và các anh em, các con đã đi tìm kiếm, hỏi thăm tin tức về chị T1 nhưng không ai có tin tức gì về chị T1. Đến nay đã được 7 năm, anh và gia đình vẫn không có tin tức gì về chị T1.

Năm 2023 anh có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với chị Nguyễn Thị T1. Ngày 05/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Tam Dương đã có Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị Nguyễn Thị T1 mất tích. Cho đến nay, chị T1 vẫn không trở về địa phương và không có tin tức gì về chị T1. Hiện nay chị T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã H. Vì vậy anh khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Tam Dương yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

Về con chung: Anh và chị T1 có ba con chung là Bùi Thị M, sinh ngày 02/3/2000, Bùi Thị Đ, sinh ngày 09/4/2003 và Bùi Công Đ1, sinh ngày 24/10/2010. Nay cháu M và cháu Đ đã thành niên và có gia đình riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Đ1 đang ở cùng anh, ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi cháu Đ1, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ, công sức: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND xã H: Từ khi Tòa án có Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị Nguyễn Thị T1 mất tích cho đến nay chị T1 vẫn không trở về địa phương và không có tin tức gì về chị T1.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã có Quyết định tuyên bố mất tích. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Công T, cho anh Bùi Công T ly hôn chị Nguyễn Thị T1. Về con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Bùi Công Đ1, sinh ngày 24/10/2010. Về án phí: Anh T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Bùi Công T** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị **Nguyễn Thị T1**, chị **T1** có nơi cư trú cuối cùng tại **thôn Q, xã H, huyện T**. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn là chị **T1** đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bùi Công T** và chị **Nguyễn Thị T1** kết hôn với nhau ngày 21/6/1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, từ năm 2017 chị **T1** tự bỏ đi khỏi nhà cho đến nay không có tin tức gì. Ngày 05/12/2023 Tòa án nhân dân huyện Tam Dương đã ban hành Quyết định số 06/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị **Nguyễn Thị T1** mất tích (quyết định đã có hiệu lực pháp luật). Từ khi Tòa án có Quyết định tuyên bố chị **Nguyễn Thị T1** mất tích cho đến nay chị **T1** vẫn không trở về địa phương và không có tin tức gì về chị **T1**. Vì vậy anh **T** xin ly hôn chị **T1** là có căn cứ phù hợp với Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh **T** và chị **T1** có ba người con chung là cháu **Bùi Thị M**, sinh ngày 02/3/2000, **Bùi Thị Đ**, sinh ngày 09/4/2003 và **Bùi Công Đ1**, sinh ngày 24/10/2010. Nay cháu **M** và cháu **Đ** đã thành niên, anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu **Đ** và cháu **M**. Còn cháu **Đ1** đang ở cùng anh **T**, ly hôn anh **T** xin được tiếp tục nuôi cháu **Đ1**. Do chị **T1** mất tích nên Hội đồng xét xử giao cho anh **T** tiếp tục nuôi cháu **Đ1**, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của anh **T** và cháu **Đ1**. Cháu **M** và cháu **Đ** đã thành niên, anh **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh **T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh **Bùi Công T** phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh **Bùi Công T** ly hôn chị **Nguyễn Thị T1**.
2. Về con chung: Giao cho anh **Bùi Công T** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Bùi Công Đ1**, sinh ngày 24/10/2010. Chị **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.
3. Anh **Bùi Công T** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số: 0006909, ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương.
4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Hướng Đạo, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Hoàng